

Bản án số 251/HNGĐ-ST

Ngày: 29/6/2023

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Toàn

Bà Nguyễn Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Chung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoài Đức - Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức – Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa; Bà Đỗ Khánh Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoài Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2023/TLST-HNGĐ ngày 11/4/2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn,*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26/5/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 34/2023/QĐST – HNGĐ, ngày 16/6/2023, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ - sinh năm 1964; Trú tại: Tổ X, xã VC, huyện HĐ, Hà Nội; có mặt tại phiên tòa

-Bị đơn: Bà - sinh năm 1964: Trú tại; Tổ X, xã VC, huyện HĐ, Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Ông xây dựng gia đình với Bà Ng ngày 10/6/1984 (Âm lịch), ông bà có tổ chức lễ cưới và mời họ hàng 2 bên gia đình đến dự nhưng ông và Bà Ng không đến UBND xã Vân Côn để đăng ký kết hôn,quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân vợ

chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau, vợ chồng ly thân từ tháng 6/1999 đến nay, nay ông thấy tình cảm giữa ông với Bà Ng không còn, ông xin được ly hôn.

-Về con chung: Vợ chồng sinh được 04 người con chung gồm; Nguyễn Văn T sinh ngày 01/01/1988; Nguyễn Thị O sinh ngày 20/9/1990; Nguyễn Văn T1, sinh ngày 04/10/1992; Nguyễn Văn N sinh ngày 12/12/1994 hiện tại các cháu đã đến tuổi trưởng thành không có nhược điểm về thể chất, hoặc tâm thần nên ông không yêu cầu giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Quá trình tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị Ng trình bày :**

-Về quan hệ hôn nhân: Ngày 05/6/1984 bà và Ông Đ có tổ chức đám cưới, trước khi cưới bà và Ông Đ có đến UBND xã Vân Côn để làm thủ tục đăng ký kết hôn, vì lúc đó Ông Đ chưa đủ tuổi nên UBND xã xử phạt 50.000đ, sợ bị phạt nên Ông Đ và bà không đi đăng ký kết hôn, từ đó đến nay bà và Ông Đ không đến UBND xã Vân Côn để đăng ký kết hôn, quá trình sống bà và Ông Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn, Ông Đ thường xuyên đánh đập bà, vợ chồng nhiều lần sống ly thân, lần cuối vào năm 2021 Ông Đ đánh và đuổi bà đi, nay bà thấy tình cảm giữa bà và Ông Đ không còn nhưng bà không đồng ý ly hôn Ông Đ do bà đã nhiều tuổi, các con chưa lập gia đình xong.

-Về con chung: Vợ chồng sinh được 04 người con chung gồm; Nguyễn Văn T sinh ngày 01/01/1988; Nguyễn Thị O sinh ngày 20/9/1990; Nguyễn Văn T1, sinh ngày 04/10/1992; Nguyễn Văn N sinh ngày 12/12/1994 hiện tại các cháu đã đến tuổi trưởng thành nay ly hôn nên không bà không yêu cầu giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, hiện tại bà không mang thai

-Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** UBND xã Vân Côn cho biết:** Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ng chung sống như vợ chồng từ năm 1984 nhưng không đến UBND xã Vân Côn đăng ký kết hôn, tuy nhiên Ông Đ Bà Ng có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, quá trình ông bà chung sống hạnh phúc từ năm 1984 đến năm 2000 thì mới phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân Ông Đ có quan hệ với người phụ nữ khác, ông bà ly thân đã lâu, nay Ông Đ xin ly hôn Bà Ng quan điểm của UBND xã đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Ông Đ Bà Ng sinh được 4 người con chung gồm: Nguyễn Văn T sinh ngày 01/01/1988; Nguyễn Thị O sinh ngày 20/9/1990; Nguyễn Văn T1, sinh

ngày 04/10/1992; Nguyễn Văn N sinh ngày 12/12/1994 hiện tại các anh chị đã đến tuổi trưởng thành, khỏe mạnh.

***Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức phát biểu ý kiến:**

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

* Ý kiến giải quyết vụ án: Ông Đ Bà Ng tuy không đăng ký kết hôn nhưng sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1984, như vậy theo quy định tại điểm a khoản 3 nghị quyết 35 năm 2000 của Quốc Hội thì quan hệ hôn nhân giữa Ông Đ với Bà Ng là quan hệ hôn nhân thực tế. Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ, xử cho ông Nguyễn Văn Đ được ly hôn với Bà Ng. Về con chung: vợ chồng sinh được 4 người con là Nguyễn Văn T sinh ngày 01/01/1988; Nguyễn Thị O sinh ngày 20/9/1990; Nguyễn Văn T1, sinh ngày 04/10/1992; Nguyễn Văn N sinh ngày 12/12/1994. Hiện tại các anh chị đã đến tuổi trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất, hoặc tâm thần, nay ly hôn không phải giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “*Tranh chấp về ly hôn*”. Bà Nguyễn Thị Ng hiện sinh sống tại Tổ X, xã VC, huyện HĐ, Hà Nội. Căn cứ Điểm a, Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Bà Nguyễn Thị Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bà Ng là đúng quy định tại Khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ng chung sống với nhau từ năm 1984 nhưng không đăng ký kết hôn, ông bà sống hạnh phúc từ đó đến năm 2000

thì phát sinh mâu thuẫn, Ông Đ cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, Bà Ng cho rằng Ông Đ thường xuyên đánh đập bà, vợ chồng nhiều lần sống ly thân, lần cuối cùng là vào năm 2021, nay Ông Đ xin ly hôn Bà Ng không đồng ý lý do bà đã nhiều tuổi và các con chưa xây dựng gia đình xong. HĐXX xét thấy: Quá trình điều tra Bà Ng cho rằng vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, tình cảm giữa bà với Ông Đ không còn, như vậy có đủ căn cứ cho rằng Ông Đ Bà Ng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Ông Đ Bà Ng tuy không đăng ký kết hôn nhưng sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1984, như vậy theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết 35 năm 2000 của Quốc Hội thì quan hệ hôn nhân giữa Ông Đ với Bà Ng là quan hệ hôn nhân thực tế, HĐXX căn cứ Điều 56 luật HNGĐ năm 2014 và điểm a khoản 3 nghị quyết 35 năm 2000 của Quốc Hội xử cho ông Nguyễn Văn Đ được ly hôn bà Nguyễn Thị Ng là phù hợp qui định của pháp luật

[2.2]. Về con chung: Ông Đ và Bà Ng sinh được 04 (bốn) người con chung là Nguyễn Văn T sinh ngày 01/01/1988; Nguyễn Thị O sinh ngày 20/9/1990; Nguyễn Văn T1, sinh ngày 04/10/1992; Nguyễn Văn N sinh ngày 12/12/1994 hiện tại các anh chị đã đến tuổi trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất, hoặc tâm thần nay ly hôn không giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Giành quyền khởi kiện chia tài sản sau ly hôn nếu có căn cứ Ông Đ, Bà Ng có tài sản chung, nợ chung.

[3]. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 3 quyết số 35 năm 2000 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ, xử cho ông Nguyễn Văn Đ được ly hôn bà Nguyễn Thị Ng.

2. Về con chung: Xác định ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ng sinh được 04 (bốn) người con chung là Nguyễn Văn T sinh ngày 01/01/1988; Nguyễn Thị O sinh ngày 20/9/1990; Nguyễn Văn T1, sinh ngày 04/10/1992; Nguyễn Văn N sinh ngày 12/12/1994 các anh chị đã đến tuổi trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần nên không giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giành quyền khởi kiện chia tài sản sau ly hôn nếu có căn cứ Ông Đ, Bà Ng có tài sản chung, nợ chung.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí Ông Đ đã nộp là theo biên lai thu số 0016433 ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Xác nhận Ông Đ đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- UBND xã Vân Côn, huyện Hoài Đức, Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Đoan